

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Kiến trúc sư
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kiến trúc
Tên tiếng Anh	: Architecture
Loại hình đào tạo	: Chính quy – tín chỉ
Khóa học	: 2016 - 2020
Mã số	: 52580102

(Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ – NTT, ngày 27 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo chung

- Đào tạo Kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức, có sức khỏe, có khả năng làm việc tập thể, đáp ứng yêu cầu thiết kế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Kiến trúc sư được trang bị những kiến thức cơ bản rộng, kiến thức chuyên môn cần thiết, có khả năng thiết kế, tư vấn, tham gia lập và quản lý việc thực hiện các dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp, phục vụ các nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội theo kịp sự tiến bộ của khoa học công nghệ.

1.2. Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra)

- Kiến thức về lý luận chính trị và đạo đức hành vi:

a. Về lý luận chính trị:

- o Sinh viên tốt nghiệp có hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- o Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan làm việc sau khi tốt nghiệp.
- o Có thể giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

b. Về đạo đức hành vi:

- Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt.
- Có tinh thần yêu nước, yêu đồng bào, gắn bó và có tinh thần phục vụ cộng đồng tốt.
- Có tinh thần trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng.
- Có tính chủ động, tích cực, cầu tiến, sáng tạo trong công việc.
- Có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cao, tính chuyên nghiệp cao.

– **Khả năng về chuyên môn:**

- a. Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành kiến trúc có kiến thức tổng quát về tự nhiên và xã hội, văn hóa, nghệ thuật và những ngành khác có liên quan đến lĩnh vực kiến trúc.
- b. Nắm được những nguyên tắc và phương pháp thiết kế kiến trúc cơ bản.
- c. Nắm được vai trò của ngành kiến trúc trong quá trình phát triển về kinh tế và xã hội trong và ngoài nước.
- d. Biết được những lý luận cơ bản, lịch sử và xu hướng phát triển của kiến trúc.
- e. Nắm được kỹ năng thực hành khai triển một hồ sơ kiến trúc.
- f. Có khả năng giám sát và quản lý dự án.
- g. Có trình độ tiếng anh căn bản và chuyên ngành.
- h. Có trình độ tin học căn bản và chuyên ngành.
- i. Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, học tập ở những bậc học cao hơn.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đủ điều kiện tham gia vào hoạt động thiết kế, tư vấn, giám sát tác giả, quản lý dự án,...tại các công ty hoạt động về kiến trúc, xây dựng trong và ngoài nước.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 167 tín chỉ (không kể 8 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10): GIỎI.

B – (7 -> 8,4): KHÁ

C – (5,5 -> 6,9): TRUNG BÌNH

D – (4 -> 5,4): TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4): KÉM.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương ứng với 4.

B tương ứng với 3.

C tương ứng với 2.

D tương ứng với 1.

F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH:

KHỐI KIẾN THỨC	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	52	31	
Kiến thức cơ sở ngành	54	32	
Kiến thức chuyên ngành	51	30.5	
Đồ án tốt nghiệp	10	6.5	
TỔNG CỘNG:	167	100	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 52 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.2.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh : 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCHM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.2.2. Nhân văn – nghệ thuật

7.2.2.1 Kiểm thức bắt buộc: 8 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
5	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
6	072828	Hội họa 1	2	0	60	
7	070535	Hội họa 2	2	0	60	072828(a)
		Tổng	8	60	120	

7.2.2.2 Kiểm thức tự chọn : 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
8	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	
9	072830	Mỹ học đại cương	2	30	0	
10	070796	Tư duy sáng tạo	2	30	0	

7.2.3. Ngoại ngữ: 22 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
12	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
13	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
14	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
15	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
16	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
17	072832	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	0	
18	072831	Anh văn chuyên ngành 2	2	30	0	072831(a)
		Tổng	22	240	180	

7.2.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 8 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	001786	Toán cao cấp A1 (Đại số)	2	30	0	
20	001787	Toán cao cấp A2 (Giải tích 1)	2	30	0	001786(a)
21	072833	Hình học họa hình 1	2	30	0	
22	072834	Hình học họa hình 2	2	30	0	072833(a)
		Tổng	8	120	0	

7.2.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

23	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.2.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
24	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.3. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 115 tín chỉ

7.3.1. Kiến thức cơ sở ngành: 54 tín chỉ

7.3.1.1. Kiến thức bắt buộc: 52 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	072777	Kiến trúc nhập môn	2	30	0	
26	072778	Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam	3	45	0	
27	072779	Lịch sử Kiến trúc phương Tây	3	45	0	
28	072780	Cấu tạo kiến trúc 1	3	45	0	
29	072781	Cấu tạo kiến trúc 2	3	45	0	072780(a)
30	072782	Vật lý kiến trúc 1(Nhiệt và khí hậu kiến trúc)	3	45	0	
31	072785	Vật lý kiến trúc 2(Quang học)	2	30	0	
32	072786	Vật lý kiến trúc 3(Âm học)	2	30	0	
33	072787	Tin học chuyên ngành 1 (Autocad)	2	15	30	
34	072788	Tin học chuyên ngành 2 (Sketchup)	2	15	30	072787(a)
35	072789	Cơ học công trình	3	45	0	
36	070579	Vật liệu xây dựng	2	30	0	
37	072790	Kết cấu công trình	3	45	0	
38	072791	Đồ án kết cấu công trình	1	0	30	072790(c)
39	070589	Kỹ thuật điện công trình	2	30	0	
40	072792	Cấp thoát nước	2	30	0	
41	070608	Luật xây dựng	2	30	0	
42	072793	Bài tập cơ sở 1(Đường nét và chữ số)	2	0	60	072833(c)
43	072794	Bài tập cơ sở 2(Vẽ thức cột, tô bóng)	2	0	60	072793(c)
44	072795	Bài tập cơ sở 3(Bố cục tạo hình)	2	0	60	
45	072796	Bài tập cơ sở 4(Vẽ ghi kiến trúc)	2	0	60	072833(a) 072834(c)

46	072797	Bài tập cơ sở 5(Diễn họa kiến trúc)	2	0	60	
47	072798	Bài tập cơ sở 6(Sáng tác nhỏ)	2	0	60	
		Tổng	52	555	450	

7.3.1.2 Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
48	072799	Môi trường sinh thái	2	30	0	
49	072800	Thiết kế bền vững	2	30	0	
50	072801	Kỹ thuật mô hình kiến trúc	2	0	60	

7.3.2. Kiến thức chuyên ngành: 51 tín chỉ

7.3.2.1 Kiến thức bắt buộc: 47 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
51	072802	Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng	4	60	0	
52	072803	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	2	30	0	
53	072804	Nguyên lý quy hoạch	2	30	0	
54	072805	Kỹ thuật thi công công trình	2	30	0	
55	072806	Kiến trúc cảnh quan	2	30	0	
56	072807	Đồ án kiến trúc 1 (Công cộng 1-Đồ án kiến trúc nhỏ)	2	0	60	072802(c)
57	072808	Đồ án kiến trúc 2(Nhà ở 1)	2	0	60	072802(c)
58	072809	Đồ án kiến trúc 3(Công cộng 2- Công trình giáo dục)	2	0	60	072802(a)
59	072810	Đồ án kiến trúc 4(Công cộng 3-Kiến trúc thư viện)	2	0	60	072802(a)
60	072811	Đồ án kiến trúc 5(Công cộng 4-C.trình thương mại)	2	0	60	
61	072812	Đồ án kiến trúc 6(Nhà ở 2)	2	0	60	
62	072813	Đồ án kiến trúc 7(Công cộng 5-Trường Cao đẳng nghề và Trường THPT)	2	0	60	072802(a)
63	072814	Đồ án kiến trúc 8(Kiến trúc công nghiệp)	3	0	90	072803(a)
64	072815	Đồ án kiến trúc 9(Nội thất)	2	0	60	
65	072816	Đồ án kiến trúc 10(Qui hoạch 1)	2	0	60	072804(a)
66	072817	Đồ án kiến trúc 11(Qui hoạch 2)	3	0	90	072804(a)
67	072818	Đồ án kiến trúc 12(Công cộng 7- Câu lạc bộ TĐTT)	2	0	60	072802(a)

68	072819	Đồ án kiến trúc 13- Đồ án tổng hợp(Công cộng- công nghiệp-nhà ở)	3	0	90	072802(a) 072803(a)
69	072820	Thiết kế nhanh 1	1	0	30	
70	072821	Thiết kế nhanh 2	1	0	30	072820(a)
71	072822	Thực tập Tốt nghiệp & làm đề cương tốt nghiệp	4	0	240	8 tuần
		Tổng	47	180	1170	

7.3.2.2 Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
72	072823	Chuyên đề kiến trúc 1(Kiến trúc nhà cao tầng)	2	30	0	
73	072824	Chuyên đề kiến trúc 2(Công trình y tế)	2	30	0	
74	072825	Chuyên đề kiến trúc 3(Công trình thương mại)	2	30	0	
75	072826	Chuyên đề kiến trúc 4(Công trình giáo dục)	2	30	0	

7.3.3. Đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
76	072827	Đồ án tốt nghiệp	10	0	300	16 tuần
		Tổng	10	0	300	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràn buộc
Học kỳ 1				12	90	180	
Học phần bắt buộc				12	90	180	
1	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
2	001786	Toán cao cấp A1	0101001786	2	30	0	
3	072833	Hình học họa hình 1	0101072833	2	30	0	
4	072828	Hội họa 1	0101072828	2	0	60	
5	072777	Kiến trúc nhập môn	0101072777	2	30	0	
6	072793	Bài tập cơ sở 1(Đường nét và chữ số)	0101072793	2	0	60	072833(c)
7	072794	Bài tập cơ sở 2(Vẽ thức cột, tô bóng)	0101072794	2	0	60	072793(c)
Học kỳ 2				13	90	210	
Học phần bắt buộc				13	90	210	
1	001787	Toán cao cấp A2	0101001787	2	30	0	001786(a)
2	072834	Hình học họa hình 2	0101072834	2	30	0	072833(a)
3	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
4	070535	Hội họa 2	0101070535	2	0	60	072828(a)
5	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
6	072795	Bài tập cơ sở 3(Bố cục tạo hình)	0101072795	2	0	60	
7	072796	Bài tập cơ sở 4(Vẽ ghi kiến trúc)	0101072796	2	0	60	072833(a); 072834(c)
Học kỳ 3				11	90	150	
Học phần bắt buộc				11	90	150	
1	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
2	070006	Kỹ năng giao tiếp	0101070006	2	30	0	
3	070579	Vật liệu Xây dựng	0101070579	2	30	0	
4	072797	Bài tập cơ sở 5(Diễn họa kiến trúc)	0101072797	2	0	60	
5	072798	Bài tập cơ sở 6 (Sáng tác nhỏ)	0101072798	2	0	60	
Học kỳ 4				16	165	150	
Học phần bắt buộc				16	165	150	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	
3	072802	NLLTK kiến trúc dân dụng	0101072802	4	60	0	

4	072807	Đồ án kiến trúc 1 (Công cộng 1-Đồ án kiến trúc nhỏ)	0101072807	2	0	60	072802(c)
5	072808	Đồ án kiến trúc 2(Nhà ở 1)	0101072808	2	0	60	072802(c)
Học kỳ 5				16	165	150	
Học phần bắt buộc				16	165	150	
1	072778	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	0101072778	3	45	0	
2	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
3	072780	Cấu tạo kiến trúc 1	0101072780	3	45	0	
4	072782	Vật lí kiến trúc 1(Nhiệt và khí hậu kiến trúc)	0101072782	3	45	0	
5	072809	Đồ án kiến trúc 3 (Công cộng 2- Công trình giáo dục)	0101072809	2	0	60	072802(a)
6	072810	Đồ án kiến trúc 4 (Công cộng 3-Kiến trúc thư viện)	0101072810	2	0	60	072802(a)
Học kỳ 6				15	180	90	
Học phần bắt buộc				13	150	90	
1	072779	Lịch sử Kiến trúc phương Tây	0101072779	3	45	0	
2	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
3	072787	Tin học chuyên ngành 1 (Autocad)	0101072787	2	15	30	
4	072785	Vật lí kiến trúc 2(Quang học)	0101072785	2	30	0	
5	072820	Thiết kế nhanh 1	0101072820	1	0	30	
6	072803	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	0101072803	2	30	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101071642	2	30	0	
2	072830	Mỹ học đại cương	0101072830	2	30	0	
Học kỳ 7				17	165	180	
Học phần bắt buộc				17	165	180	
1	072781	Cấu tạo kiến trúc 2	0101072781	3	45	0	072780(a)
2	072789	Cơ học công trình	0101072789	3	45	0	
3	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(a)
4	072788	Tin học chuyên ngành 2(Sketchup)	0101072788	2	15	30	072787(a)
5	072786	Vật lí kiến trúc 3 (Âm học)	0101072786	2	30	0	
6	072811	Đồ án kiến trúc 5 (Công cộng 4- Công trình thương mại)	0101072811	2	0	60	
7	072812	Đồ án kiến trúc 6 (Nhà ở 2)	0101072812	2	0	60	
Học kỳ 8				14	120	180	

Học phần bắt buộc				14	120	180	
1	072790	Kết cấu công trình	0101072790	3	45	0	
2	072791	Đồ án kết cấu công trình	0101072791	1	0	30	072790(c)
3	070002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	0101070002	3	45	0	
4	072804	Nguyên lý quy hoạch	0101072804	2	30	0	
5	072813	Đồ án kiến trúc 7 (Công cộng 5-Trường Cao đẳng nghề và Trường THPT)	0101072813	2	0	60	072802(a)
6	072814	Đồ án kiến trúc 8 (Kiến trúc công nghiệp)	0101072814	3	0	90	072803(a)
Học kỳ 9				13	150	90	
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	
2	070589	Kỹ thuật điện công trình	0101070589	2	30	0	
3	072831	Anh văn chuyên ngành 1	0101072831	2	30	0	
4	072806	Kiến trúc cảnh quan	0101072806	2	30	0	
5	072815	Đồ án kiến trúc 9 (Nội thất)	0101072815	2	0	60	
6	072821	Thiết kế nhanh 2	0101072821	1	0	30	072820(a)
Học phần tự chọn				2	30	60	
1	070796	Tư duy sáng tạo	0101070796	2	30	0	
2	072801	Kỹ thuật mô hình kiến trúc	0101072801	2	0	60	
Học kỳ 10				13	120	150	
Học phần bắt buộc				11	90	150	
1	072792	Cấp thoát nước	0101072792	2	30	0	
2	072832	Anh văn chuyên ngành 2	0101072832	2	30	0	072831(a)
3	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
4	072816	Đồ án kiến trúc 10(Qui hoạch 1)	0101072816	2	0	60	072804(a)
5	072817	Đồ án kiến trúc 11(Qui hoạch 2)	0101072817	3	0	90	072804(a)
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	072799	Môi trường sinh thái	0101072799	2	30	0	
2	072800	Thiết kế bền vững	0101072800	2	30	0	
Học kỳ 11				9	60	150	
Học phần bắt buộc				9	60	150	
1	072805	Kỹ thuật thi công công trình	0101072805	2	30	0	
2	072808	Luật xây dựng	0101072808	2	30	0	
3	072818	Đồ án kiến trúc 12 (Công cộng 7- Câu lạc bộ TĐTT)	0101072818	2	0	60	072802(a)
4	072819	Đồ án kiến trúc 13 - Đồ án tổng hợp (Công cộng-công nghiệp-nhà ở)	0101072819	3	0	90	072802(a); 072803(a)

Học kỳ 12				4	120	0	
Học phần tự chọn				4	120	0	
1	072823	Chuyên đề kiến trúc 1 (Nhà cao tầng)	0101072823	2	30	0	
2	072824	Chuyên đề kiến trúc 2 (Công trình y tế)	0101072824	2	30	0	
3	072825	Chuyên đề kiến trúc 3 (Công trình thương mại)	0101072825	2	30	0	
4	072826	Chuyên đề kiến trúc 4 (Công trình giáo dục)	0101072826	2	30	0	
Học kỳ 13				4	0	240	
Học phần bắt buộc				4	0	240	
1	072822	Thực tập tốt nghiệp và làm đề cương tốt nghiệp	0101072822	4	0	240	
Học kỳ 14				10	0	300	
Học phần bắt buộc				10	0	300	
1	072827	Đồ án tốt nghiệp	0101072822	10	0	300	

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. - Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy. - Chuẩn bị kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần. - Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình. - Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. - Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp. - Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà. - Phải tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá học phần để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên phải thực hiện đúng

quy chế của học chế tín chỉ. - Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

9.4. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. - Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để tiếp thu bài giảng. - Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. - Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. - Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. - Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin: 5 (75,0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử....

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

Anh văn chuyên ngành 1: 2(30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần gồm 5 units giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; các thuật ngữ chuyên ngành Kiến trúc và xây dựng. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp các cấu trúc ngữ pháp dùng để trình bày các nội dung chuyên môn Kiến trúc và xây dựng.

Anh văn chuyên ngành 2: 2(30, 0,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn chuyên ngành 1)

Nội dung học phần gồm 5 units giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; các thuật ngữ chuyên ngành Kiến trúc và xây dựng. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp các cấu trúc ngữ pháp dùng để trình bày các nội dung chuyên môn Kiến trúc và xây dựng.

Toán cao cấp A1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học nghiên cứu các kiến thức về đại số tuyến tính, bao gồm: định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, dạng toàn phương.

Toán cao cấp A2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp A2)

Nội dung: Môn học nghiên cứu các kiến thức về phép tính vi phân, tích phân hàm một biến, vi phân hàm nhiều biến. Nội dung bao gồm: giới hạn và liên tục, đạo hàm và vi phân của hàm số, tích phân bất định, xác định và suy rộng, phép tính vi phân hàm nhiều biến.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30,0 ,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 60,)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và

Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC).

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm những kiến thức về văn hóa và các giá trị văn hóa mà con người Việt Nam trong mối quan hệ tương quan với tự nhiên và xã hội đã tạo ra trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

Hội họa 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của ngành hội họa, bao gồm: ngôn ngữ và quy ước về đường nét, dựng hình, tạo mảng sáng tối, tô bóng, cảm nhận về ánh sáng.

Hội họa 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Hội họa 1)

Nội dung: Học phần cung cấp và trang bị những kiến thức nâng cao của ngành hội họa, bao gồm: Lý thuyết và thực hành vẽ phong cảnh, tham quan và vẽ ghi các công trình kiến trúc bằng các loại chất liệu khác nhau (bút chì, bút lông, mực nho đen trắng trong kiến trúc, bút sắt, bút kim, màu nước...).

Mỹ học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các quan niệm về thẩm mỹ và các loại hình nghệ thuật; Nâng cao khả năng cảm thụ nghệ thuật và sáng tạo; Hệ thống hóa các lý luận về thẩm mỹ.

Hình học họa hình 1: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các phép chiếu, biểu diễn điểm, đường thẳng, mặt phẳng bằng phương pháp hai hình chiếu thẳng góc, bài toán về vị trí, bài toán về lượng, phép biến đổi hình chiếu, đa diện và mặt cong, giao giữa mặt phẳng và mặt, giao giữa đường thẳng và mặt, giao giữa các mặt.

Hình học họa hình 2: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (hình học họa hình 1)

Tìm giao giữa đa diện và mặt cong ở vị trí bất kỳ. Vẽ bóng trên các hình chiếu công trình. Phương pháp dựng hình phối cảnh. Đồ bóng trên hình chiếu phối cảnh.

Luật xây dựng: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm 9 chương. Nội dung chính của học phần: Khái niệm cơ bản về xây dựng; Quản lý nhà nước về xây dựng; Quy hoạch; Khảo sát; Thiết kế; Xây dựng công trình; Quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình; Hợp đồng trong xây dựng; Vi phạm trong xây dựng...

Tư duy sáng tạo: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan, các phương pháp, các dạng, các loại trình tự sáng tạo và áp dụng tư duy sáng tạo vào trong kiến trúc.

Kiến trúc nhập môn: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các định nghĩa về kiến trúc, các yêu cầu của kiến trúc, diễn giải nội dung công việc và vai trò, trách nhiệm của kiến trúc sư. Cung cấp cho sinh viên các phương pháp làm việc cơ bản, phương pháp tư duy sáng tạo và trình tự làm việc, nghiên cứu của người kiến trúc sư.

Thiết kế bền vững: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về các yếu tố của môi trường sinh thái tự nhiên có tác động ảnh hưởng đến công trình kiến trúc, sự tác động của lĩnh vực xây dựng đối với môi trường thiên nhiên và những yêu cầu quan trọng dưới góc độ khoa học môi trường, khoa học vật lý kiến trúc nhằm tạo lập môi trường vi khí hậu, đáp ứng tốt nhất cho các hoạt động của con người trong không gian của môi trường sống nhưng phải bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, hướng đến các vấn đề thiết kế bền vững.

Kỹ thuật mô hình kiến trúc: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu các phương pháp làm mô hình trên nhiều chất liệu khác nhau như: giấy, mốp xốp, composite, gỗ và nhiều vật liệu khác. Thông qua môn học giúp sinh viên các phương pháp làm mô hình minh họa cho các bài đồ án môn học và phục vụ quá trình nghiên cứu.

Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam: 3(45,0,90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên về các đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu của kiến trúc Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ và trung đại. Kể đến khái quát kiến trúc các nước Đông Nam Á như Indonesia và Campuchia... Sau đó là đặc điểm và các loại hình kiến trúc của Nhật Bản - một ví dụ phương Đông điển hình về sự phát triển một nền kiến trúc dân tộc giàu bản sắc cần được học tập.

Khái quát những yếu tố tác động đến lịch sử hình thành và phát triển của kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ. Tìm hiểu các loại hình kiến trúc và những đặc trưng cơ bản của kiến trúc Việt Nam. Đi sâu phân tích những công trình kiến trúc có giá trị.

Lịch sử kiến trúc phương Tây: 3(45,0,90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nền kiến trúc phương Tây tiêu biểu trong các thời kỳ Công xã nguyên thủy, Cổ đại, Trung Đại, Phục Hưng, Cận hiện đại thế kỷ XIX, thời kỳ Hiện đại thế kỷ XX.

Cấu tạo kiến trúc 1: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các bộ phận cấu tạo, liên kết của công trình. Các nguyên tắc liên kết giữa các bộ phận cấu tạo để hình thành công trình đảm bảo được tính ổn định, bền vững, đáp ứng yêu cầu tạo lập không gian kiến trúc và chống lại các tác động bất lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trong quá trình sử dụng công trình.

Cấu tạo kiến trúc 2: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cấu tạo kiến trúc 1)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống giao thông đứng của công trình; Các vấn đề về kỹ thuật trong các công trình cao tầng như: giải pháp thu thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, giải pháp tổ chức khe biến dạng,....

Bên cạnh đó môn học còn cung cấp những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, yêu cầu và giải pháp cấu tạo cơ bản các bộ phận hình thành kiến trúc nhà công nghiệp.

Vật lý kiến trúc 1(Nhiệt và khí hậu): 3(45,0,90)

Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về các nhân tố khí hậu của địa điểm xây dựng có tác động ảnh hưởng đến công trình kiến trúc, sự tác động của lĩnh vực xây dựng đối với môi trường thiên nhiên và những yêu cầu quan trọng dưới góc độ khoa

học vật lý kiến trúc nhằm tạo lập môi trường vi khí hậu, đáp ứng tốt nhất cho các hoạt động của con người trong không gian của môi trường sống. Thông qua bài giảng lý thuyết, trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu lĩnh vực khoa học vật lý kiến trúc, khả năng tư duy ứng dụng và sáng tạo trong thiết kế kiến trúc thích ứng với điều kiện khí hậu, kiến trúc tiết kiệm, có hiệu quả về năng lượng, cũng như các xu hướng thiết kế kiến trúc khác có quan tâm đến bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên.

Vật lí kiến trúc 2 (Quang học): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về ánh sáng và chiếu sáng trong kiến trúc; Kỹ thuật chiếu sáng trong kiến trúc; Thẩm mỹ trong thiết kế chiếu sáng kiến trúc.

Vật lí kiến trúc 3 (Âm học): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về trang âm và chống ồn trong kiến trúc; Phương pháp thiết kế và tính toán trang âm trong phòng khán giả; Phương pháp thiết kế và tính toán chống ồn ngoài nhà, thiết kế kết cấu cách âm.

Tin học chuyên ngành 1 (Autocad): 2 (15,30,45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phần mềm Auto CAD; Cách thức sử dụng phần mềm để xây dựng các hình chiếu thẳng góc của công trình theo các hệ trục đo trên máy tính. Quy cách trình bày các hình chiếu kiến trúc, cách xuất bản vẽ khi in ấn.

Tin học chuyên ngành 2 (Sketchup): 2 (15,30,45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phần mềm Sketchup; Cách thức sử dụng phần mềm; Kỹ năng dựng hình và thiết kế hình khối 3D công trình kiến trúc.

Cơ học công trình: 3(45,0,90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, giúp sinh viên hiểu và phân tích sự làm việc của các cấu kiện cơ bản cũng như hệ kết cấu của công trình. Nội dung chính của môn học là xác định nội lực, biến dạng và chuyển vị của công trình nhằm thỏa điều kiện về độ bền, độ cứng và tính ổn định.

Kết cấu công trình: 3(45,0,90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Phân tích cấu tạo hệ phẳng; xác định nội lực trong hệ tĩnh định (dầm, dàn, khung, vòm) chịu tải trọng cố định và di động; xác định chuyển vị hệ thanh.

Kỹ thuật điện công trình: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản giúp sinh viên phân tích, thiết kế hệ thống chiếu sáng đạt tiêu chuẩn về độ rọi cũng như về độ an toàn và thẩm mỹ trong công trình kiến trúc.

Cấp thoát nước: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giới thiệu các vấn đề về cấp nước, thoát nước ở bên ngoài và bên trong nhà. Phần cấp nước sẽ đề cập đến các loại nguồn nước và các sơ đồ xử lý nước, hệ thống cấp nước cho khu vực và cho công trường xây dựng cũng như hệ thống cấp nước trong nhà, trong đó sẽ nhấn mạnh đến việc tính toán và thiết kế mạng lưới cấp nước. Phần thoát nước sẽ trình bày các vấn đề chủ yếu về hệ thống thoát nước cho khu vực và trong nhà cũng như các phương pháp cơ bản xử lý nước thải.

Bài tập cơ sở 1 (Đường nét và chữ số): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Hình học họa hình 1)

Nội dung: Học phần môn học cơ sở trang bị cho sinh viên kiến thức về các tiêu chuẩn cơ bản trong vẽ kỹ thuật như: nét vẽ, chữ số, tỉ lệ,... đến qui cách thiết lập các hình chiếu cơ bản của một công trình kiến trúc; Kỹ năng thực hiện các nội dung trên bằng cách vẽ tay và sử dụng các họa cụ thông thường như: thước T, êke, compa, thước tròn,....

Bài tập cơ sở 2 (Vẽ thức cột, tô bóng): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Hình học họa hình 1)

Nội dung: Học phần môn học cơ sở giúp sinh viên rèn luyện kỹ thuật diễn họa cơ bản thông qua việc thực hiện các bài tập nhỏ như: diễn họa chì, diễn họa màu, tô bóng một thành phần kiến trúc cổ điển. Bên cạnh đó, môn học còn rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng bố cục bản vẽ kỹ thuật bằng việc thực hiện sắp xếp, bố cục các thành phần kiến trúc trên vào bản vẽ khổ giấy A2.

Bài tập cơ sở 3 (Bố cục tạo hình): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần môn học cơ sở giúp sinh viên tổ chức bố cục các hình khối cơ bản đơn sắc, qua đó cảm nhận và hiểu được mối tương quan tỉ lệ giữa các hình khối, sự liên hệ tương tác giữa các hình khối với nhau và sự tương quan tỉ lệ của bố cục đó với con người; Việc sử dụng màu sắc để nhấn mạnh trọng tâm, tăng tính biểu cảm cho hình khối.

Bài tập cơ sở 4 (Vẽ ghi kiến trúc): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (hình học họa hình 1) và học phần song hành (Hình học họa hình 2)

Nội dung: Học phần cơ sở rèn luyện cho sinh viên cách thức đo đạc, ghi chép và hoàn thiện bản vẽ một công trình đã được xây dựng (công trình kiến trúc cổ, có giá trị lịch sử). Đây là đồ án môn học mang tính chất đặc thù của ngành học và có tính khác biệt so với các đồ án môn học khác trong chương trình học. Môn học ngoài những kiến thức như trên còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng là việc nhóm một cách hiệu quả, làm tiền đề cho những đồ án môn học khác và thực tế làm việc sau khi ra trường.

Bài tập cơ sở 5 (Diễn họa kiến trúc): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần môn học cơ sở giúp sinh viên rèn luyện kỹ thuật diễn họa cơ bản thông qua việc thực hiện các bài tập nhỏ như: diễn họa chì, diễn họa màu một công trình kiến trúc nhỏ. Bên cạnh đó, môn học còn rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng bố cục bản vẽ kỹ thuật bằng việc thực hiện sắp xếp, bố cục các thành phần kiến trúc trên vào bản vẽ khổ giấy A2.

Bài tập cơ sở 6 (Sáng tác kiến trúc nhỏ): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần môn học cơ sở giúp sinh viên bước đầu làm quen với công việc thiết kế một công trình kiến trúc. Thông qua quá trình làm việc, sinh viên hiểu được trình tự, phương pháp của công việc thiết kế.

Vật liệu xây dựng: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần Vật liệu xây dựng mới trình bày các xu hướng phát triển mới về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, tiêu biểu nhất là xu hướng khai thác công nghệ vật liệu mới và công nghệ kỹ thuật tổ chức thi công xây dựng.

Trình bày khái quát về thành tựu và quy trình kỹ thuật của một số công nghệ tiên tiến đang được áp dụng trên thế giới và tại Việt Nam trong thiết kế công trình và triển khai thi công xây dựng

Kỹ thuật thi công công trình: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, các công tác đất và gia cố nền móng; công tác xây; công tác bê tông và bê tông cốt thép; công tác lắp ghép; công tác hoàn thiện trong quá trình thi công công trình.

Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng: 4(60,0,120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Xác định rõ Các khái niệm về kiến trúc và phân loại các công trình kiến trúc dân dụng. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn trong thiết kế Xây dựng. Các nguyên tắc chung khi thiết kế một công trình kiến trúc dân dụng. Các phương pháp thiết kế kiến trúc cho các thể loại công trình dân dụng. Hiểu rõ các Không gian công năng và các nguyên tắc thiết kế cho các không gian này. Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp không gian và bố cục

mặt bằng kiến trúc. Các Nguyên tắc cơ bản khi thiết kế tổ chức giao thông bên trong và bên ngoài công trình kiến trúc. Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp hình khối không gian và thiết kế mặt đứng kiến trúc. Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế an toàn thoát người trong công trình kiến trúc.

Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các Khu công nghiệp trong đô thị, Xí nghiệp công nghiệp, Công trình công nghiệp. Nghiên cứu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm và phương pháp lựa chọn địa điểm Quy hoạch Khu Công nghiệp và xây dựng các Xí nghiệp Công nghiệp. Nguyên tắc, phương pháp và trình tự thiết kế Xí nghiệp Công nghiệp, các hạng mục công trình trong Xí nghiệp Công nghiệp. Giải pháp tổ chức công năng, dây chuyền nhà máy, kiến trúc và cấu tạo thông dụng cho nhà công nghiệp được tổng kết từ kinh nghiệm xây dựng Công nghiệp trong và ngoài nước. Các giải pháp ứng dụng công nghệ vào thiết kế kiến trúc công nghiệp.

Nguyên lý quy hoạch: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung học phần đề cập đến công tác quy hoạch, phân cấp quản lý quy hoạch và phương pháp quy hoạch xây dựng đô thị. Học phần phân tích về đô thị hóa quá trình hình thành và phát triển đô thị. Phân tích về công tác lập quy hoạch từ quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu đến quy hoạch chi tiết xây dựng. Phân tích mối quan hệ giữa công tác quy hoạch đô thị và các quy hoạch chuyên ngành khác như: cấp thoát nước, giao thông, cấp điện nước. Phân tích về quy hoạch cảnh tạo xây dựng đô thị và công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị.

Đồ án kết cấu công trình: 1(0,30,60)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Kết cấu công trình)

Nội dung: Học phần giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong môn học Kết cấu công trình để thực hiện tính toán sơ bộ tiết diện dầm, sàn và bố trí thép.

Đồ án kiến trúc 1 (CC1- Kiến trúc nhỏ): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thiết kế công trình công cộng qui mô nhỏ, đặt trong mối quan hệ với các công trình xung quanh như: Công viên, khu du lịch, bãi biển, bên hồ .v.v... Thể loại công trình thiết kế là những các loại công trình công cộng có quy mô nhỏ như: quán hoa, quầy sách báo, quầy bán đồ lưu niệm, quán giải khát, trạm dừng chân...

Đồ án kiến trúc 2 (Nhà ở 1): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học ở môn Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng và các kỹ năng ở các đồ án trước vào việc nghiên cứu, thiết kế và thể hiện một công trình kiến trúc. Thể loại công trình: nhà ở thấp tầng (biệt thự, liên kế).

Đồ án kiến trúc 3 (CC2- Công trình giáo dục): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thiết kế công trình giáo dục, vận dụng nguyên lý thiết kế công trình công cộng, các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, thoát nạn khi nghiên cứu. Qui mô công trình từ 1-3 tầng, không quá 4 khu chức năng, công năng đơn giản. Thể loại công trình: Trường mầm non, trường tiểu học.

Đồ án kiến trúc 4 (CC3- Kiến trúc thư viện): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế một công trình văn hóa. Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, đánh giá những cơ sở lý luận để đưa ra phương án thiết kế tối ưu. Thể loại công trình nghiên cứu: Kiến trúc thư viện

Đồ án kiến trúc 5 (CC4- Công trình thương mại): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế công trình thương mại: Chợ - Siêu thị - Trung tâm Thương mại. Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và nước ngoài khi thiết kế công trình thương mại – dịch vụ. Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình thương mại: Chợ Siêu thị - Trung tâm Thương mại có qui mô từ 2 đến 4 tầng, diện tích khu đất nghiên cứu 1,5 - 2 ha. Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá địa điểm xây dựng cụ thể và từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu về kiến trúc và kỹ thuật của công trình theo yêu cầu.

Đồ án kiến trúc 6 (Nhà ở 2): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giới thiệu nội dung cơ bản về nguyên lý thiết kế loại hình nhà chung cư thấp tầng (5-9 tầng): định nghĩa thể loại công trình, dây chuyền sử dụng, công năng, yêu cầu về thẩm mỹ, hình khối, các tiêu chuẩn, qui phạm có liên quan. Sinh viên áp dụng các kỹ năng về nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận: hiện trạng, tự nhiên, văn hóa xã hội, kinh tế, phong tục tập quán, nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm, kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước vv... Từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu cho đồ án.

Đề án kiến trúc 7 (CC5- Trường cao đẳng nghề- THPT): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các chức năng, yêu cầu của các không gian trong công trình giáo dục và cách tổ chức không gian, tổng mặt bằng, dây chuyền hoạt động của công trình. Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn cần thiết khi thiết kế. Nghiên cứu tiêu chuẩn thiết kế trường học phổ thông: TCVN 3978:1984 và quyết định QĐ 27/2001 BGD&ĐT ngày 05/07/2001 của Bộ GD&ĐT về qui chế công nhận trường đạt chuẩn.

Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.

Sinh viên nắm được các nguyên tắc tổ chức không gian của công trình trường học và có khả năng phân tích dây chuyền công năng sử dụng, tổ hợp khối, bố cục phân khu chức năng trong công trình.

Thẻ loại công trình thiết kế: Trường Cao Đẳng dạy nghề và Trường trung học phổ thông

Đề án kiến trúc 8 (Công trình công nghiệp): 3(0,90,45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp vận dụng các kiến thức về Quy Hoạch Khu Công Nghiệp, thiết kế Xí nghiệp Công Nghiệp và công trình Công Nghiệp trong thiết kế. Tìm hiểu đặc trưng sản xuất có ảnh hưởng đến giải pháp Quy hoạch và Kiến trúc nhà máy. Tìm hiểu bố cục kiến trúc quần thể công trình, tổ chức không gian nhà sản xuất có tính đến vai trò xây dựng đô thị của nó. Tìm hiểu những tiến bộ của Khoa học Kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ tự động hóa, tin học ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều công đoạn của hoạt động sản xuất; tính linh hoạt cao của giải pháp xây dựng do thời gian sử dụng máy móc thiết bị được rút ngắn; những vấn đề về môi trường lao động, môi trường sinh thái... liên quan đến Kiến Trúc Công Nghiệp.

Tìm hiểu các nội dung tổ chức phục vụ sinh hoạt công nhân trong nhà máy.

Sinh viên (SV) tự chọn 1 trong 2 thẻ loại công trình sau: (loại hình công trình sản xuất sẽ được thay đổi theo từng năm). Nhà công nghiệp một tầng: với loại hình công trình có sử dụng thiết bị vận chuyển nâng tải trọng lớn trong không gian sản xuất, không gian mở rộng. Nhà công nghiệp nhiều tầng: với loại hình công trình có sử dụng hệ thống thang vận chuyển theo phương đứng trong tổ chức sản xuất

Đề án kiến trúc 9 (Nội thất): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên cách tổ chức, ứng dụng thẩm mỹ vào trong không gian sao cho không gian hài hòa về tổng thể, bố cục, màu sắc, ánh sáng và tính công năng cao. Sinh viên vận dụng các kiến thức được học vào thiết kế nội thất một không gian nội thất tự chọn như: sảnh trường, sảnh trưng bày sản phẩm,...

Đề án kiến trúc 10 (Qui hoạch 1): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý quy hoạch)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng cho một đơn vị ở quy mô nhỏ. Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế quy hoạch cụ thể. Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam khi thiết kế quy hoạch Sinh viên được yêu cầu thể hiện đúng tiêu chuẩn một hồ sơ bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá địa điểm xây quy hoạch về mối liên hệ vùng, kết nối hạ tầng kỹ thuật đô thị, kết nối cảnh quan và các khu chức năng khác trong đô thị.

Đồ án kiến trúc 11(Qui hoạch 2): 3(0,90,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý qui hoạch)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng cho một công viên cây xanh đơn vị ở khoảng từ 1 đến 2 ha. Hiểu các yêu cầu về chức năng, môi trường xã hội và thẩm mỹ trong tổ chức không gian cây xanh và sinh hoạt cộng đồng. Sinh viên học cách thiết kế không gian, đường dạo, lựa chọn và bố trí cây xanh, chiếu sáng. Tổ chức các tiện nghi đô thị khác như sân thể thao, sân vui chơi, tượng đài, ghế đá, chòi nghỉ, thùng rác, vệ sinh công cộng... Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam khi thiết kế quy hoạch. Sinh viên được yêu cầu thể hiện đúng tiêu chuẩn một hồ sơ bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500

Đồ án kiến trúc 12 (CC7 – CLB TDTT): 2(0,60,30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng)

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế công trình Câu lạc bộ TDTT. Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các học phần liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn cần thiết khi thiết kế.

Thể loại công trình thiết kế: Câu lạc bộ thể dục thể thao. Qui mô công trình: 500 khán giả, khu đất 1,5 – 2ha.

Đồ án kiến trúc 13 (Đồ án tổng hợp): 3(0,90,45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giới thiệu nội dung nghiên cứu và thiết kế một loại hình kiến trúc cụ thể, nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu và hoàn thiện kỹ năng thiết kế cho sinh viên trước khi làm đồ án tốt nghiệp.

Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một thể loại công trình cụ thể trên một khu đất xây dựng thực tế. Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên tổng hợp các kiến thức và đưa ra phương án phù hợp nhất và thể hiện được cá tính của đồ án, cá tính của tác giả.

Kiến trúc cảnh quan: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giúp sinh viên nhận thức sự ảnh hưởng qua lại giữa các yếu tố môi trường xây dựng, là sự kết hợp đa ngành của nhiều lĩnh vực chuyên môn như hoa học về đất đai, kỹ thuật xây dựng, sinh thái cảnh quan, kiến trúc, nông nghiệp, trồng trọt, tưới tiêu, quy hoạch cảnh quan, môi trường, nghệ thuật và thiết kế...

Thiết kế nhanh 1: 1(0,30,15)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Bài tập thiết kế nhanh rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu, phác thảo nhanh một nội dung thiết kế trên cơ sở những dữ liệu thiết kế cho trước. Bài tập thiết kế nhanh còn rèn luyện kỹ năng thực hành nghiên cứu trên mô hình kết hợp với phác thảo tay bằng chì, mực màu v.v...

Sinh viên thực hiện thiết kế nhanh về tạo hình thẩm mỹ: công trình biểu tượng.

Thiết kế nhanh 2: 1(0,30,15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thiết kế nhanh 1)

Nội dung: Bài tập thiết kế nhanh rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu, phác thảo nhanh một nội dung thiết kế trên cơ sở những dữ liệu thiết kế cho trước. Bài tập thiết kế nhanh còn rèn luyện kỹ năng thực hành nghiên cứu trên mô hình kết hợp với phác thảo tay bằng chì, mực màu v.v...

Môi trường sinh thái: 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ sinh thái; Các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt và tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên; Sự ảnh hưởng của quá trình phát triển đô thị đến hệ sinh thái.

Chuyên đề kiến trúc 1 (Nhà cao tầng): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần trình bày các nội dung cơ bản về thể loại công trình kiến trúc cao tầng, cụ thể là: Tổng quan về sự hình thành, phát triển, đặc điểm và hệ thống phân loại thể loại công trình kiến trúc cao tầng; Trình bày những yêu cầu thiết kế về kiến trúc, kết cấu và kỹ thuật khác trong công trình kiến trúc cao tầng; Trình bày các giải pháp thiết kế cơ bản về hệ thống giao thông, kết cấu, không gian mặt bằng tầng điển hình, các xu hướng hình thức kiến trúc cao tầng; Trình bày nguyên tắc cơ bản của loại hình kiến trúc Chung cư cao tầng, Cao ốc văn phòng, Tháp đa chức năng.

Chuyên đề kiến trúc 2 (Công trình y tế): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Chuyên đề đề cập đến các chức năng, yêu cầu của các không gian trong công trình y tế và cách tổ chức không gian, tổng mặt bằng, dây chuyền hoạt động của công trình.

Chuyên đề kiến trúc 3 (Công trình thương mại): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần trình bày các nội dung cơ bản về thể loại công trình thương mại – dịch vụ, cụ thể là: Tổng quan về sự hình thành, phát triển, đặc điểm và hệ thống phân loại thể loại công trình; Trình bày những nguyên tắc thiết kế các loại công trình thương mại – dịch vụ: Cửa hàng, Chợ, Siêu thị, Trung tâm thương mại, loại công trình đặc thù kết hợp thương mại - dịch vụ.

Chuyên đề kiến trúc 4 (Công trình giáo dục): 2(30,0,60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế công trình giáo dục. Qua đó nhằm hiểu rõ hơn về nguyên lý thiết kế công trình công cộng nói chung; Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn cần thiết khi thiết kế công trình giáo dục. Chuyên đề đề cập đến các chức năng, yêu cầu của các không gian trong công trình giáo dục và cách tổ chức không gian, tổng mặt bằng, dây chuyền hoạt động của công trình. Phân tích các mô hình thiết kế trường học tiên tiến (Case Study) trong xu hướng thiết kế trường học.

Thực tập và lập đề cương tốt nghiệp: 4(0,240,240)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thực tập: Sinh viên tham gia thực tập tại các công ty Tư vấn thiết kế XD-KT-QH hoặc tại các phòng kỹ thuật thuộc tổng công ty xây dựng. Tại đây, sinh viên được bố trí, hướng dẫn thực hiện vẽ, thiết kế, khai triển chi tiết hồ sơ bản vẽ các công trình kiến trúc,.. ;

Lập đề cương tốt nghiệp: Để chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp, sinh viên cần xác định cơ sở để xây dựng nhiệm vụ thiết kế. Dựa trên thể loại công trình đã lựa chọn ở học phần nghiên cứu chuyên đề (đồ án kiến trúc 13), sinh viên xác định vị trí khu đất xây dựng, quy mô công trình và những dữ liệu kỹ thuật cần thiết khác để thực hiện Đề cương tốt nghiệp.

Trang bị cho sinh viên kinh nghiệm tư vấn thiết kế thực tế, tổ chức và triển khai bản vẽ thiết kế qua các giai đoạn phát triển dự án xây dựng theo quy định của luật Xây Dựng Việt Nam.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ai Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

TS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Trung Cường

PHỤ LỤC

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo : Kiến trúc

Trình độ đào tạo : Đại học

Khoá học : 2016 – 2020

1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.1. Kiến thức

- CĐR1: Kiến thức rộng về tự nhiên và xã hội, văn hóa, nghệ thuật và các ngành nghề khác có liên quan đến lĩnh vực kiến trúc.
- CĐR2: Năng lực tư duy thẩm mỹ trong không gian, nhận thức và tạo dựng cái đẹp
- CĐR3: Khát vọng sáng tạo, đam mê hình khối và háo hức tạo dựng công trình; Tính kiên định, kiên trì, sáng tạo và ham học hỏi.
- CĐR4: nắm được những nguyên tắc và phương pháp thiết kế kiến trúc cơ bản.
- CĐR5: Nắm được vai trò của ngành kiến trúc trong quá trình phát triển về kinh tế và xã hội trong và ngoài nước.
- CĐR6: Biết được những lý luận cơ bản, lịch sử và xu hướng phát triển của kiến trúc.
- CĐR7: Nắm được kỹ năng thực hành khai triển một hồ sơ kiến trúc
- CĐR8: Có khả năng giao tiếp hiệu quả, bao gồm giao tiếp nói, viết và các dạng khác.

1.2. Kỹ năng

Kỹ năng cứng :

- CĐR1: Có kỹ năng thực hành trong việc thiết kế, khai triển các hồ sơ bản vẽ thiết kế kiến trúc, qui hoạch, nội thất, cảnh quan,....
- CĐR2: Có kỹ năng đọc hiểu bản vẽ, giám sát tác giả tại các công trình xây dựng.
- CĐR3: Có trình độ tin học căn bản và chuyên ngành

Kỹ năng mềm :

- CĐR4 : Có khả năng tư duy sáng tạo; làm việc độc lập hoặc phối hợp đội nhóm.
- CĐR5: Có khả năng quản lý thời gian, tiến độ công việc một cách chủ động.
- CĐR6: Có khả năng tự học hỏi, lĩnh hội các kiến thức mới trong các lĩnh vực có liên quan.

1.3. Thái độ

- CĐR1: Tác phong nghiêm túc, có tính kỷ luật cao và trách nhiệm trong công việc.
- CĐR2: Năng động trong công việc và không ngừng học tập, trau dồi nghề nghiệp.
- CĐR3: Trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Bảng ma trận mối tương quan giữa chuẩn đầu ra và các học phần của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																
		Kiến thức								Kỹ năng						Thái độ		
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR1	CDR2	CDR3
1	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	x																
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																
3	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	x																
4	Kỹ năng giao tiếp	x																
5	Pháp luật đại cương	x																
6	Hội họa 1	x	x	x					X			x		x	x	x	x	x
7	Hội họa 2	x	x	x					x			x		x	X	x	x	x
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	x					x			x		x	x	x	x	x
9	Mỹ học đại cương	x	x	x		x			x			x	x	x	x	x	x	x
10	Tư duy sáng tạo	x	x	x					x			x	x	x	x	x	x	x
11	Anh văn giao tiếp 1	x																
12	Anh văn giao tiếp 2	x																
13	TOEIC 1	x																
14	TOEIC 2	x																
15	TOEIC 3	x																

16	TOEIC 4	x																
17	Anh văn chuyên ngành 1	x									X					x	x	x
18	Anh văn chuyên ngành 2	x									x					x	x	x
19	Toán cao cấp A1 (Đại số)																	
20	Toán cao cấp A2 (Giải tích 1)																	
21	Hình học họa hình 1		x	x					x			x	x	x	x	x	x	x
22	Hình học họa hình 2		x	x	x				x			x	x	x	x	x	x	x
23	Giáo dục thể chất																	
24	Giáo dục quốc phòng																	
25	Kiến trúc nhập môn	x	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x	x
26	Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam	x	x	x		x	x		x			x	x	x	x	x	x	x
27	Lịch sử Kiến trúc phương Tây	x	x	x		x	x		x			x	x	x	x	x	x	x
28	Cấu tạo kiến trúc 1	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
29	Cấu tạo kiến trúc 2	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
30	Vật lý kiến trúc 1(Nhiệt và khí hậu kiến trúc)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
31	Vật lý kiến trúc 2(Quang học)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

32	Vật lý kiến trúc 3(Âm học)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
33	Tin học chuyên ngành 1 (Autocad)	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
34	Tin học chuyên ngành 2 (Sketchup)	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
35	Cơ học công trình	x									x					x	x	x
36	Vật liệu xây dựng	X									x					x	x	x
37	Kết cấu công trình	X									x					x	x	x
38	Đồ án kết cấu công trình	X									x					x	x	x
39	Kỹ thuật điện công trình	X									x					x	x	x
40	Cấp thoát nước	X									x					x	x	x
41	Luật xây dựng	X									x					x	x	x
42	Bài tập cơ sở 1(Đường nét và chữ số)		x	x	x	x			x				x	x	x	x	x	x
43	Bài tập cơ sở 2(Vẽ thức cột, tô bóng)	x	x	x		x	x		x				x	x	x	x	x	x
44	Bài tập cơ sở 3(Bố cục tạo hình)	x	x	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x
45	Bài tập cơ sở 4(Vẽ ghi kiến trúc)	x	x	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x
46	Bài tập cơ sở 5(Diễn họa kiến	x	x	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x

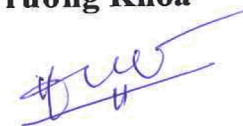
	trúc)																	
47	Bài tập cơ sở 6(Sáng tác nhỏ)	x	x	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x
48	Môi trường sinh thái	x	x	x		x	x		x						x	x	x	x
49	Thiết kế bền vững	x	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x	x
50	Kỹ thuật mô hình kiến trúc	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
51	Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
52	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
53	Nguyên lý quy hoạch	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
54	Kỹ thuật thi công công trình																	
55	Kiến trúc cảnh quan	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
56	Đồ án kiến trúc 1 (Công cộng 1- Đồ án kiến trúc nhỏ)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
57	Đồ án kiến trúc 2(Nhà ở 1)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
58	Đồ án kiến trúc 3(Công cộng 2- Công trình giáo dục)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
59	Đồ án kiến trúc 4(Công cộng 3- Kiến trúc thư viện)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

60	Đồ án kiến trúc 5(Công cộng 4-C.trình thương mại)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
61	Đồ án kiến trúc 6(Nhà ở 2)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
62	Đồ án kiến trúc 7(Công cộng 5-Trường Cao đẳng nghề và Trường THPT)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
63	Đồ án kiến trúc 8(Kiến trúc công nghiệp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
64	Đồ án kiến trúc 9(Nội thất)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65	Đồ án kiến trúc 10(Quy hoạch 1)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
66	Đồ án kiến trúc 11(Quy hoạch 2)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
67	Đồ án kiến trúc 12(Công cộng 7- Câu lạc bộ TDTT)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
68	Đồ án kiến trúc 13- Đồ án tổng hợp(Công cộng-công nghiệp-nhà ở)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
69	Thiết kế nhanh 1	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
70	Thiết kế nhanh 2	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

71	Thực tập Tốt nghiệp & làm đề cương tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
72	Chuyên đề kiến trúc 1(Kiến trúc nhà cao tầng)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
73	Chuyên đề kiến trúc 2(Công trình y tế)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
74	Chuyên đề kiến trúc 3(Công trình thương mại)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
75	Chuyên đề kiến trúc 4(Công trình giáo dục)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
76	Đồ án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Tp.HCM, ngày 20 tháng 05 năm 2016

Trưởng Khoa



TS. Lê Trung Cường